

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2018/DS-ST**
Ngày 25-5-2018
v/v: Tranh chấp nghĩa vụ
trả tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Ba;
2. Ông Nguyễn Văn Thiện;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST- DS, ngày 9/2/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐST-DS ngày 17/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐST-DS, ngày 10/5/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lộc Thị H**, (tên thường gọi là **B**), sinh năm 1972. Có mặt.

Trú tại: Số 11, ấp PL, xã Ph, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1966. Có mặt.

Trú tại: Số 52 TTD, tổ 1, khu phố 4, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Nguyễn Ngọc R**, sinh năm 1961.

Vắng mặt

Trú tại: Số 52 TTD, tổ 1, khu phố 4, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Phan Ngọc M, sinh năm 1963. Vắng mặt.

Trú tại: Số 11, tổ 1, ấp PL, xã Ph, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện cho ông Phan ngọc M là bà Lộc Thị H (vợ ông M), theo giấy ủy quyền lập ngày 23/2/2018

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2018, bản khai khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lộc Thị H đồng thời là người đại diện cho ông Phan Ngọc M trình bày: Giữa bà Lộc Thị H (thường gọi là Bích) và bà Nguyễn Thị H1 là bạn hàng mua bán nông sản với nhau. Bà H1 là người mua hàng và bà H là người bán hàng. Thông thường sau khi mua hàng (hạt hồ tiêu khô) thì khoảng hai ngày sau bà H1 thanh toán tiền cho bà H. Trong tháng 10/2015 bà H1 mua hồ tiêu của bà H với số tiền 445.620.000 đồng, nhưng sau đó bà H1 không chịu trả tiền cho bà H, nên bán H ngưng bán tiêu cho bà H1. Đến ngày 12/12/2016, bà H1 viết cho bà H một giấy xác nhận nợ, với số tiền còn nợ là 445.620.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả cho bà H 2.000.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên sau đó bà H1 không chịu trả nợ, bà H phải đi đòi rất nhiều lần, thì bà H1 chỉ trả được số tiền 13.000.000 đồng, từ tháng 8/2017 cho đến nay bà H1 không chịu trả cho bà H đồng nào.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà H1, ông Nguyễn Ngọc R phải trả số tiền vay là 432.620.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày chậm trả từ tháng 9/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,75%/tháng.

Chứng cứ do bà H đưa ra là: Giấy xác nhận tiền nợ do bà Nguyễn Thị Hương ghi ngày 12/12/2016.

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà H1 có nợ bà H (thường gọi là Bích) số tiền 445.620.000 đồng như bà H trình bày, đây là số tiền bà H1 còn nợ khi mua tiêu của bà H. Do giá tiêu lên xuống thất thường, việc

mua bán gặp khó khăn, nên bà H1 chưa có khả năng trả nợ cho bà H. Nay bà H1 đồng ý trả dần tiền gốc cho bà H, còn tiền lãi xin được miễn trả, vì gia đình hết sức khó khăn. Việc mua bán tiêu giữa bà H1 và bà H với mục đích phục vụ chung cho kinh tế trong gia đình.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc R không tham gia, nên không tiến hành hòa giải được.

Những tình tiết trong vụ án mà các bên đã thống nhất: Bà H1 còn nợ bà H số tiền 432.620.000 đồng.

Các tình tiết các bên không thống nhất: Bà H yêu cầu tính lãi từ tháng 9/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà H1 xin được miễn trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc R vắng mặt không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đây là quan hệ- Tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ. Vì hợp đồng mua bán giữa hai bên đã kết thúc vào năm 2015, riêng về nghĩa vụ trả nợ thì bên mua chưa thực hiện xong. Về pháp luật áp dụng: Quan hệ dân sự xác lập từ năm 2015, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Ngọc R trả số tiền còn nợ khi mua tiêu là 432.620.000 đồng là có căn cứ chấp nhận; bởi lẽ: Các bên đều thừa nhận việc này, đồng thời bà H1 xác nhận có

viết giấy xác nhận cho bà H giữ, theo giấy xác nhận chính bà H1 viết thể hiện là: Bà H1 nợ bà H số tiền 445.620.000 đồng. Tính đến tháng 8/2017 bà H1 có trả cho bà H được 13.000.000 đồng, hiện còn nợ 432.620.000 đồng. Việc bà H1 mua hạt tiêu của bà H là nhằm mục đích mua bán trong gia đình, nên buộc ông R chồng bà H1 cùng liên đới trả nợ cho bà H và ông Phan Ngọc M là phù hợp Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp Điều 428, khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự. Về ý kiến của bà H1 là xin trả dần số nợ trên mỗi tháng 2.000.000 đồng là không thể chấp nhận. Vì: với số tiền gốc 432.620.000 đồng, mỗi tháng chỉ trả 2.000.000 đồng thì thời gian trả nợ sẽ kéo dài đến 18 năm. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của bên nguyên đơn.

[4] Về tiền lãi: Do bà H1 và ông R chậm thanh toán tiền cho vợ chồng bà H, cụ thể tính đến tháng 8/2017 bà H1 mới trả được 13.000.000 đồng và còn nợ lại 432.620.000 đồng từ tháng 9/2017 đến nay chưa trả. Do đó, buộc bà H1, ông R phải chịu lãi suất đối với số tiền 432.620.000 là đúng. Trong đơn khởi kiện bà H yêu cầu mức lãi 0,83%/tháng và thời gian tính lãi từ 12/12/2016. Tuy nhiên tại phần hòa giải và tại phiên tòa bà H yêu cầu mức lãi 0,75%/tháng và thời gian tính lãi từ tháng 9/2017 đến nay là phù hợp và không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên chấp nhận, vì phù hợp với khoản 2 Điều 203, khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự.

[5] Qua nhận định trên buộc bà H1 và ông R phải trả cho bà H và ông M số tiền nợ là 432.620.000 đồng và tiền lãi 0,75%/tháng, từ ngày 01/9/2017 cho đến nay là 8 tháng 24 ngày, được tính như sau:

$(432.620.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng}) \times (8 \text{ tháng } 24 \text{ ngày}) = 28.552.000 \text{ đồng}$
(đã làm tròn số).

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bà H1 và ông R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 283, Điều 290, khoản 2 Điều 305, Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Ngọc R phải trả cho bà Lộc Thị H và ông Phan Ngọc M số tiền: 461.172.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi hai ngàn đồng), trong đó tiền gốc 432.620.000 đồng và tiền lãi 28.552.000 đồng.

Kể từ ngày bà H và ông M có đơn yêu cầu thi hành án, bà H1 và ông R phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, tương ứng thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Ngọc R phải chịu 22.446.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lộc Thị H 11.901.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018215 ngày 9/2/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 25/5/2018; ông Nguyễn Ngọc R có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái